

Buổi 6

Table: Vẽ bảng giống như table trong excel

List: Hiện thị danh sách các phần tử

list-style-type: thay đổi hình dạng của bullet, thường dùng square, circle

Outline: Vẽ bên ngoài border của thẻ

Các thuộc tính và giá trị tương tự như border chỉ khác là outline có thêm thuộc tính outline-offset. Thuộc tính này chỉ định khoảng cách từ cạnh đường viền phỉ bên ngoài so với outline

Float: nổi (đẩy) phần tử sang trái hoặc sang phải. Có 2 giá trị: left và right

Những phần tử sau float nếu không có chỉ định gì thì mặc định nó sẽ bao bọc lấy phần tử bị float

Float được sử dụng để bọc văn bản xung quanh hình ảnh hoặc để chia cột

Lưu ý rằng những phần tử trước phần tử bị float không bị tác động bởi float, chỉ những phần tử sau phần tử float mới bị tác động. Để phần tử phía sau phần tử float không bị tác động dùng thuộc tính clear

Phần tử bị float không tính vào chiều cao của thẻ cha. Để giải quyết vấn đề này ta có 3 cách:

- Thêm thuộc tính overflow: auto vào thẻ cha (ảnh hưởng đến chức năng scroll)
- Thêm thẻ với clear:both vào phần tử cha (thêm thẻ làm ảnh hưởng đến cấu trúc trang)
- Sử dụng pseudo-element ::after với clear:both cho phần tử cha (nên dùng cách này)

Overflow: Xác định điều gì xảy ra khi nội dung thì to hơn so với vùng nội dung của thẻ. Gồm có các giá trị sau:

- visible: nội dung tràn ra khỏi thẻ (không bị cắt xén), đây là giá trị mặc định
- hidden: phần tràn ra ngoài bị cắt
- scroll: thêm scroll vào để thấy phần bị tràn ra ngoài (luôn luôn thêm)
- auto: thêm thanh cuộn khi cần thiết

Box-sizing: Thuộc tính xác định có hay không việc tính padding, border vào trong width/height của thẻ (phần tử). Có 2 giá trị: content-box, border-box

content-box: width/height chỉ tính đến phần nội dung của thẻ (mặc định)

border-box: width/height tính đến phần border của thẻ

Max-width: Thuộc tính xác định chiều rộng tối đa của thẻ, đương nhiên nó có thể nhỏ hơn giá trị chỉ định tùy thuộc vào kích thước màn hình

Margin: auto. Thuộc tính này của margin giúp canh giữa phần tử, phần tử dạng block

Display: Thuộc tính chỉ định phần tử sẽ hiển thị như thế nào. Giá trị mặc định của display là block hay inline tùy thuộc vào loại thẻ (đã học ở bài trước). Có các giá trị thường dùng sau:

- block: giống như thẻ dạng block
- inline: giống như thẻ dạng inline, thuộc tính width/height không tác động lên thẻ
- none: ẩn thẻ, thẻ không chiếm không gian (khác với visibility:hidden – chiếm không gian)
- inline-block: giống như thẻ dạng inline, kết hợp với block container (tức là thuộc tính width/height sẽ tác động lên thẻ)
- flex (sẽ có bài học riêng)
- table: như thẻ table (tốt cho SEO)
- table-header-group: như thẻ thead
- table-row-group: như thẻ tbody
- table-row: như thẻ tr
- table-cell: như thẻ th, td

Position: Cách đặt phần tử trên trang web. Sử dụng thuộc tính css top, bottom, left, right để chỉnh vị trí của phần tử. Có 5 giá trị:

- static: đây là giá trị mặc định. Phần tử hiển thị theo dòng chảy thông thường của trang web (không dùng được các thuộc tính css: top, bottom, left, right)
- relative: phần tử được đặt tương đối so với chính nó. Lưu ý rằng element vẫn giữ khoảng trống của nó
- fixed: phần tử được đặt tương đối so với cửa sổ trình duyệt
- absolute: phần tử được đặt so với phần tử cha gần nhất của nó, điều kiện cha phải khác static. Nếu không có ai thỏa mãn điều kiện, nó sẽ so sánh với phần tử gốc html
- sticky: vị trí đặt dựa trên vị trí thanh cuộn. sticky là sự luân phiên thay đổi giữa relative và fixed phụ thuộc vào vị trí thanh cuộn